

PHỤ LỤC I
BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ QUYẾT TOÁN
Công trình: Tuyển kênh B3-1-1
(Kèm theo Quyết định số 234 /QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã)

ĐVT: Đồng

STT	Cơ cấu	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị quyết toán (1)	Giá trị dự toán (dự thầu) chi tiết được duyệt (2)	Giá trị Chủ đầu tư trình (3)	Tăng (+), giảm (-); dự toán (2) so với (1)	Tăng (+), giảm (-); Chủ đầu tư (3) so với (1)	Chi chú
I	Chi phí xây dựng								
1	Giá trị xây dựng		Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	353.202.000	359.742.671	353.202.000	6.540.671	-	
	* Tổng cộng	G_{XD}		353.202.000	359.742.671	353.202.000	6.540.671	-	
2	Chi phí xây dựng trước thuế	G	G _{XD} / 1,1		399.832.891	282.561.600			
II	Chi phí quản lý dự án (BQL)	BQL		7.098.000	7.228.865	7.098.000	130.865	-	
III	Chi phí tư vấn (TV)								
1	Chi phí khảo sát	a 1	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	7.787.000	7.932.173	7.787.000	145.173	-	
2	Chi phí lập BCKTKT xây dựng công trình	a 2	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	7.064.000	7.194.853	7.064.000	130.853	-	
3	Chi phí lập HSYC, đánh giá HSDX	a 3		-	1.244.709	-	1.244.709	-	
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	a 4	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	9.063.000	9.230.997	9.063.000	167.997	-	
5	Thẩm tra thiết kế BVTC - Dự toán	a 5		-	1.605.891	-	1.605.891	-	
	* Tổng cộng	TV	(a1 +a5)	23.914.000	27.208.623	23.914.000	3.295.000	-	
IV	Chi phí khác (CK)								
1	Chi phí bảo hiểm	b 1		-	1.978.585	-	1.978.585	-	
2	Lệ phí thẩm định BCKTKT	b 2	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	-	218.985	-	218.985	-	
3	Chi phí thẩm tra quyết toán	b 3	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	500.000	2.280.000	500.000	1.780.000	-	
	* Tổng cộng	CK	(b1 ...+b3)	500.000	4.478.000	500.000	3.977.570	-	
V	Dự phòng	DP		-	1.342.269	-	1.342.269	-	
VI	Tổng kinh phí	TQT	(G _{XD} +BQL+TV+CK+DP)	384.714.000	400.000.000	384.714.000	15.286.000	-	

PHỤ LỤC II
BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ
Công trình: Tuyến kênh B3-1-1

(Kèm theo Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 24 /3/2026 của UBND xã)

STT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị quyết toán	Giá trị đã cấp, thanh toán cho công trình (Dự án) tính đến ngày đối chiếu K.Bạc	Nợ phải trả (+)	Nợ phải thu (-)
I	Chi phí xây dựng					
1	Giá trị xây lắp đã giảm trừ		353.202.000	353.202.000	-	-
	<i>* Tổng cộng</i>	Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng và Phát triển cộng Đồng	353.202.000	353.202.000	-	-
II	Chi phí quản lý dự án	Công ty TNHH TVXD Hà Tiên	7.098.000	7.098.000	-	-
III	Chi phí tư vấn					
1	Chi phí khảo sát	Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn xây dựng Tân Phát	7.787.000	7.787.000	-	-
2	Chi phí lập BCKTKT xây dựng công trình	Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn xây dựng Tân Phát	7.064.000	7.064.000	-	-
3	Chi phí lập HSYC, đánh giá HSDX	Công ty TNHH Một Thành viên Lê Nghiêm	-	-	-	-
	<i>* Tổng cộng</i>		23.914.000	23.914.000	-	-
IV	Chi phí khác					
1	Chi phí thẩm tra quyết toán	Phòng Kinh tế xã Ba Gia	500.000	500.000	-	-
	<i>* Tổng cộng</i>		500.000	500.000	-	-
V	Tổng cộng		384.714.000	384.714.000	-	-

